

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng
2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị P, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Trần Vĩnh P1, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 bà Châu Thị P trình bày:*

Hôn nhân: Bà P và ông P1 tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2004 tại UBND xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, bà P cảm thấy vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông P1.

Con chung: Bà P và ông P1 có 01 người con chung tên Trần Châu Gia L, sinh ngày 04/01/2006 (giới tính nữ), hiện do bà P đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không đặt ra yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/7/2019, ông Trần Vĩnh P1 trình bày:*

Hôn nhân: Ông P1 và bà P tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2004 tại UBND xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay, ông P1 thống nhất ly hôn với bà P.

Con chung: Ông P1 và bà P có 01 người con chung tên Trần Châu Gia L, sinh ngày 04/01/2006 (giới tính nữ), hiện do bà P đang nuôi dạy. Khi ly hôn, ông thống nhất để cho bà P được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của bà P là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Châu Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Trần Vĩnh P1. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông P1 có nơi cư trú tại ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho ông P1 nhưng ông P1 không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà P và vắng mặt không có lý do, quá trình làm việc ông P1 có ý kiến đối với nội dung vụ án. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông P1 nhưng ông P1 xin vắng mặt tại phiên tòa, bà P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P và ông P1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà P và ông P1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/7/2004. Tại đơn khởi kiện bà P cho rằng trong thời gian chung sống giữa ông và bà xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh P1, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay nên bà P yêu cầu ly hôn với ông P1. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông P1 đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, bà P xác định bà và ông P1 bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà P và ông P1 không đạt được, bà và ông P1 đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà P và ông P1 có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông P1 vắng mặt tại các lần hòa giải, tòa án tiến hành làm việc lấy lời khai của ông P1, qua làm việc ông P1 thống nhất ly hôn với bà P và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên công nhận cho bà P và ông P1 thuận tình ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông P1 và bà P có 01 người con chung tên Trần Châu Gia L, sinh ngày 04/01/2006 (giới tính nữ), hiện do bà P đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu L, bà P không đặt ra yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu L đã trên 07 tuổi, là nữ, từ trước đến nay do bà P nuôi dạy, quá trình giải quyết vụ án cháu L có nguyện vọng sống chung với mẹ. Qua làm việc, ông P1 thống nhất để cho bà P được quyền tiếp tục nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của bà P, ông P1 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà P không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà P, ông P1 xác định không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà P xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản làm việc với người làm chứng ngày 17/7/2019 xác nhận vợ chồng bà P và ông P1 không có ai yêu cầu về nợ đối với vợ chồng bà tại địa P. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Châu Thị P và ông Trần Vĩnh P1.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị P về việc ly hôn với ông Trần Vĩnh P1.

2.1. Về hôn nhân: Bà Châu Thị P và ông Trần Vĩnh P1 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Trần Châu Gia L, sinh ngày 04/01/2006 (giới tính nữ) cho bà P tiếp tục nuôi dạy, ông P1 không cấp dưỡng nuôi con.

Ông P1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 21 tháng 5 năm 2019 bà P có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006164 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TLB;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh